TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/*2019*/HNGĐ - ST
Ngày: 26/3/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Bùi Xuân Đãng**

2. Ông Đinh Quang Huấn

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Phương** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T – thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* **Ông Lê Đức Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủtục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang A - sinh năm 1971
HKTT + Chỗ ở hiện nay: P105 – B1 (nay là số nhà 70) Tập thể Y, Thị trấn V, huyện T, Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Kim T - sinh năm 1974
HKTT: P105 – B1 Tập thể Y, Thị trấn V, huyện T, Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Xóm 7, Thôn Y, xã T, Huyện T, Hà Nội.
(anh Quang A, chị T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 19/11/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Quang A trình bày:***

Anh Nguyễn Quang A và chị Đỗ Thị Kim T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/3/1995 tại UBND Thị trấn V, Huyện T, Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại tập thể Y, Thị trấn V, Huyện T, Hà

Nội. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2000. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ tháng 10 năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm vợ chồng. Anh Quang A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống nên anh Quang A yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 17/10/1995, Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 24/8/2000 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 20/12/2008. Ly hôn, anh Quang A đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Đức V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quang A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng, kể từ ngày anh chị ly hôn cho đến khi cháu V trưởng thành. Đối với con chung là Nguyễn Thùy L và Nguyễn Ngọc A đã trưởng thành, tự thu xếp cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Anh Quang A khẳng định anh chị tự thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Nhà đất và công nợ: Không có.

**** Bị đơn là chị Đỗ Thị Kim T trình bày:***

Chị T xác nhận lời khai của anh Quang A về quá trình vợ chồng kết hôn, chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự động viên chia sẻ với nhau trong cuộc sống và anh Quang A có quan hê ngoại tình dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng luôn căng thẳng, hôn nhân không có hạnh phúc. Bản thân chị T đã cố gắng tìm mọi giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng đều không đem lại kết quả. Từ tháng 10 năm 2018, mâu thuẫn giữa chị T và anh Quang A trầm trọng hơn nên chị T và các con đã thuê nhà ở riêng và vợ chồng sống ly thân. Chị T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc. Tuy nhiên, để ổn định tâm lý cho các con yên tâm học tập, chị T không đồng ý ly hôn ngay với anh Quang A. Sau khi các con chung của anh chị thi chuyển cấp xong, chị T sẽ đồng ý ly hôn với anh Quang A.

Về con chung: chị T xác nhận anh chị có 03 con chung như lời khai của anh Quang A. Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Đức V và yêu cầu anh Quang A đóng góp nuôi con 1.500.000đồng/tháng. Đối với con chung là Nguyễn Thùy L và Nguyễn Ngọc A đều đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Chị T và anh Quang A tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Công nợ: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn (anh Nguyễn Quang A) vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm như đã trình bày nêu trên.

- Bị đơn (chị Đỗ Thị Kim T) xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của anh Quang A theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa xét xử, Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Anh Nguyễn Quang A và chị Đỗ Thị Kim T đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu, hôn nhân không hòa hợp, hạnh phúc. Chị T không đồng ý ly hôn để không gây xáo trộn cho việc học tập của các con nhưng trên thực tế anh chị đã sống ly thân, chị T và các con đã ra ở riêng. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Quang A, cho anh Quang A được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị thống nhất giao cháu Nguyễn Đức V cho chị T nuôi dưỡng nên đề nghị HDXX giao con cho chị T nuôi, anh Quang A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng, kể từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu V trưởng thành. Các con chung là Nguyễn Thùy L và Nguyễn Ngọc A đã trưởng thành, tự thu xếp được cuộc sống nên không xét.

Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Các đương sự không tranh chấp nên không xét.

Anh Quang A phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Quang A và chị Đỗ Thị Kim T xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 03/3/1995 tại UBND thị trấn V, Huyện T, Hà Nội. Anh Quang A yêu cầu được ly hôn với chị T do bất đồng quan điểm, cách sống dẫn đến vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị T xác nhận mâu thuẫn giữa chị T và anh Quang A là trầm trọng, kéo dài, vợ chồng thường xuyên cãi vã và thực tế anh chị đã sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng, không ai quan tâm đến ai nhưng chị T không đồng ý ly hôn do các con chung của anh chị đang học cuối cấp, cần sự ổn định tâm lý cho các con yên tâm học tập. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Quang A và chị T là trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Chị T không đồng ý ly hôn để tránh xáo trộn tâm lý cho các con nhưng chị T không đưa ra được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn giữa chị và anh Quang A nhằm xây dựng hôn nhân hạnh phúc. Thực tế, chị T và các con

cũng đã thuê nhà ở riêng, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nếu duy trì hôn nhân giữa anh chị cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quang A, cho anh Quang A được ly hôn với chị T.

[2]. Về con chung: Anh Quang A và chị T có 03 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 17/10/1995, Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 24/8/2000 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 20/12/2008. Anh, chị thống nhất để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức V và anh Quang A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: thỏa thuận về việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật; cháu Nguyễn Đức V cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82 luật hôn nhân gia đình giao cháu Nguyễn Đức V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Quang A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng, kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi cháu V trưởng thành và có quyền đi lại thăm nom con chung - không ai được cản trở.

Đối với con chung là Nguyễn Thùy L và Nguyễn Ngọc A đã trưởng thành, tự thu xếp được cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Trong đơn ly hôn và các lời khai, anh Quang A và chị T đều khẳng định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Quang A phải chịu 300.000đồng án phí LHST và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang A được ly hôn với chị Đỗ Thị Kim T.

2. Về con chung: Giao chị Đỗ Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức V, sinh ngày 20/12/2008. Anh Quang A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đồng/tháng, kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi cháu V trưởng thành và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Đối với các con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 17/10/1995 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 24/8/2000 đã trưởng thành, tự thu xếp được cuộc sống riêng nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Quang A phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 450.000đồng - Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh Quang A đã nộp tại biên lai số AA/2016/08460, ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Quang A còn phải nộp tiếp 150.000đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Huyện T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài